

KẾT LUẬN THANH TRA

Về công tác quản lý, sử dụng và quyết toán nguồn ngân sách, nguồn thu khác tại Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Ninh Thuận.

Thực hiện Quyết định số 43/QĐ-STC ngày 10/6/2019 của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận về việc thanh tra công tác quản lý, sử dụng và quyết toán nguồn ngân sách, nguồn thu khác tại Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Ninh Thuận.

Xét báo cáo Kết quả thanh tra số 58/BC-ĐTT ngày 30/7/2019 của Đoàn Thanh tra về việc thanh tra công tác quản lý, sử dụng và quyết toán nguồn ngân sách, nguồn thu khác tại Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh:

Giám đốc Sở Tài chính kết luận như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Tổng quan Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Ninh Thuận:

Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh (gọi tắt Ban quản lý) được thành lập theo Quyết định số 719/QĐ-TTg ngày 7/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc Thành lập Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Ninh Thuận; và thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 03/02/2016 của UBND tỉnh Ninh Thuận.

Ban quản lý là đơn vị được UBND tỉnh xếp hạng II tại Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 01/3/2012 và Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 08/4/2019 về việc Công nhận xếp hạng II đối với Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Ninh Thuận; có tư cách pháp nhân; có tài khoản riêng. Trụ sở làm việc đặt tại thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Ban quản lý có đơn vị sự nghiệp trực thuộc là Trung tâm Khai thác hạ tầng và Hỗ trợ đầu tư (gọi tắt là Trung tâm). Trung tâm là đơn vị sự nghiệp có thu, tự đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên, có quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật được quy định tại Quyết định số 799/QĐ-UBND ngày 19/4/2012 của UBND tỉnh Ninh Thuận; có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; Trụ sở làm việc đặt tại thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

2. Cơ cấu tổ chức và nhân sự:

Cơ cấu tổ chức Ban quản lý bao gồm: Trưởng ban, 02 Phó ban và 04 phòng chuyên môn: Văn phòng, Phòng quản lý quy hoạch và xây dựng, Phòng quản lý doanh nghiệp và môi trường, Phòng quản lý Đầu tư.

Cơ cấu tổ chức Trung tâm bao gồm: Giám đốc, Phó Giám đốc (do 02 Trưởng phòng của Ban quản lý kiêm nhiệm) và 16 hợp đồng lao động.

Ban quản lý được giao chỉ tiêu biên chế theo Quyết định số 3290/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc giao chỉ tiêu biên chế công chức hành chính, hợp đồng đối với các cơ quan hành chính thuộc tỉnh Ninh Thuận năm 2017 là 18 biên chế; Quyết định số 2504/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc tạm giao chỉ tiêu biên chế công chức hành chính, hợp đồng đối với các cơ quan hành chính thuộc tỉnh Ninh Thuận năm 2018 là 17 biên chế. Tại thời điểm thanh tra tổng số công chức và người lao động hiện có là: 17 người (17 biên chế và 01 hợp đồng: Lái xe).

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH:

1. Các chế độ chính sách về tài chính:

Cơ chế tự chủ được thực hiện theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ Quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước. Chế độ tài chính, tổ chức công tác kế toán, thống kê và báo cáo tài chính theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp; Thông tư số 45/2018 ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Các căn cứ pháp lý để thực hiện nhiệm vụ chuyên ngành: Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ xây dựng Hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải; Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính Quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước; Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở; Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng; Quyết định số 8508/2003/QĐ-UBND ngày 24/6/2003 của UBND tỉnh Ninh Thuận Quy định giá thuê đất và tiền thuê sử dụng cơ sở hạ tầng trong CCN Thành Hải; Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 22/3/2017 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc quy định mức giá cho thuê cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Thành Hải, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 1117/QĐ-UBND ngày 27/3/2017 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt mức thu chi tiết phí sử dụng cơ sở hạ tầng tại Cụm công nghiệp Tháp Chàm; Công văn số 1447/UBND-QHXD ngày 09/4/2015 của UBND

tính về việc điều chỉnh mức thu tiền sử dụng hạ tầng tại Cụm công nghiệp Tháp Chàm từ năm 2015; Quyết định số 55/2017/QĐ-UBND ngày 12/7/2017 của UBND tỉnh Ninh Thuận Ban hành quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

2. Tình hình hoạt động của Ban quản lý và Trung tâm:

2.1. Kinh phí tại Ban quản lý: Phụ lục 01

2.2. Kinh phí tại Trung tâm: Phụ lục 02.

3. Về chứng từ kế toán, sổ sách kế toán, công khai tài chính:

Qua kiểm tra chứng từ và sổ sách kế toán, công tác mở sổ sách theo dõi thu, chi từ nguồn ngân sách đúng theo quy định; việc ghi chép chứng từ thu, chi rõ ràng tiện việc kiểm tra, đối chiếu. Tuy nhiên, Trung tâm đã không hạch toán theo dõi số phải thu cho thuê cơ sở hạ tầng trên Báo cáo tài chính theo đúng quy định (Phụ lục 03).

Ban quản lý ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm và sửa đổi bổ sung kịp thời các quy định đã được thay thế, điều chỉnh; Ban quản lý đã thực hiện việc công khai tài chính nhưng chưa đầy đủ theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017.

Hàng năm, Ban quản lý có kiểm kê tài sản, nhưng chưa mở sổ theo dõi tài sản theo đúng quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 và Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018.

4. Tình hình quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí tại Ban quản lý:

4.1. Đối với nguồn ngân sách nhà nước:

Ban quản lý đã lập dự toán thu, chi từ nguồn ngân sách kịp thời. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán nguồn ngân sách cấp để chi bao gồm: chi lương, các khoản đóng góp theo lương, công tác phí khoán, VPP, điện nước, điện thoại,... đúng theo định mức và các chế độ chính sách theo quy định hiện hành. Qua kiểm tra vẫn còn tồn tại một số hạn chế sau:

a. Đối với nguồn kinh phí thường xuyên:

Ban quản lý chi phụ cấp công vụ cho hợp đồng có thời hạn (lái xe) là không đúng quy định tại Nghị định số 34/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2012 của Chính phủ và Khoản 3, Điều 2 Thông tư số 74/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 14/5/2012, số tiền: 5.775.450 đồng.

b. Đối với nguồn kinh phí không thường xuyên:

Công tác lập dự toán, quản lý, thực hiện nguồn kinh phí đặc thù (xúc tiến đầu tư) chưa bám vào nội dung Quyết định số 121/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 và Quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 03/7/2018 của UBND tỉnh Ninh Thuận. Ban quản lý chưa xây dựng kế hoạch chi tiết, như: đi học tập, trao đổi kinh nghiệm tại các tỉnh lân cận hoặc đi công tác ngoài tỉnh để có cơ sở thanh toán. Các trường hợp đi công tác đột xuất ngoài tỉnh theo chỉ đạo của UBND tỉnh phải có báo cáo bằng văn bản.

4.2. Đối với nguồn thu từ phí, lệ phí:

Đối với số thu từ phí thẩm định thiết kế cơ sở, thẩm định dự án đầu tư, thiết kế BVTC, thiết kế kỹ thuật năm 2017, 2018..., Ban quản lý chưa thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 4 Nghị định 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 số tiền 81.235.900 đồng, cụ thể:

$$(5.243.500đ + 106.260.800đ) - (11.797.900đ + 18.470.500đ) = 81.235.900đ$$

Đối với việc thu phí thẩm định thiết kế xây dựng công trình Nhà máy in offset và bao bì giấy, Ban quản lý thu cao hơn quy định tại Khoản 1, Phụ lục số 1 Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016, số tiền 488.279 đồng (Lệnh chuyên có số 12 ngày 22/5/2018), cụ thể:

$$(0,1696\% - 0,1678\%) * 27.126.603.100đ = 488.279đ$$

4.3. Đối với nguồn xây dựng cơ bản:

4.3.1. Chấp hành quy định về quản lý đầu tư:

Công tác lập báo cáo kinh tế kỹ thuật: Cơ bản chấp hành đúng trình tự, thủ tục quy định. Áp dụng định mức, đơn giá thanh toán cơ bản phù hợp với quy định của nhà nước và đơn giá xây dựng cơ bản, thông báo giá vật liệu của tỉnh và hợp đồng xây dựng đã ký kết.

Công tác lập báo cáo, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư: Theo đúng nội dung, biểu mẫu quy định tại Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016.

4.3.2. Thời gian thực hiện tiến độ dự án và quyết toán dự án:

Dự án hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật mở rộng Cụm công nghiệp Thành Hải, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm được phê duyệt quyết toán tại Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày 13/11/2018 của UBND tỉnh. Ban quản lý chậm nộp hồ sơ quyết toán dự án thời gian là 01 tháng so với quy định tại Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016.

4.3.3. Về nguồn vốn:

Công trình Dự án hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật mở rộng Cụm công nghiệp Thành Hải (gói thầu san nền) thì công ty TNHH Thủy sản Thông thuận đã ứng và thanh toán cho đơn vị thi công là công ty TNHH xây dựng Vũ Ngọc với số tiền 979.981.000 đồng theo Công văn số 1194/UBND-XDCB ngày 30/3/2011 của UBND tỉnh, và đến nay chưa được bố trí vốn.

4.4. Về hoạt động khác:

Đối với trách nhiệm quản lý nhà nước trong hoạt động thoát nước và xử lý nước thải, Ban quản lý chưa thực hiện theo quy định tại Khoản 8, Điều 30, Quyết định số 55/2017/QĐ-UBND ngày 12/7/2017 của UBND tỉnh Ninh Thuận.

Đối với công tác quản lý bùn thải từ hệ thống thoát nước, Ban quản lý chưa thực hiện theo quy định tại Khoản 8, Điều 2, Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015.

5. Đối với Trung tâm Khai thác hạ tầng và Hỗ trợ đầu tư:

Đối với việc chi nạo vét hệ thống thoát nước, Trung tâm chưa thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 28, Quyết định số 55/2017/QĐ-UBND ngày 12/7/2017 về quy định hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh.

Đối với việc quản lý bùn thải từ hệ thống thoát nước, đơn vị chưa thực hiện theo quy định tại Khoản 7, Điều 2, Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 về hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 về thoát nước và xử lý nước thải.

C. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ:

I. Kết luận:

Nhìn chung, Ban quản lý đã có nhiều cố gắng trong công tác quản lý và sử dụng các nguồn tài chính, thực hiện các nội dung đã xây dựng trong quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm. Thực hiện công khai tài chính hàng năm tại hội nghị công chức theo quy định. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt được vẫn còn một số tồn tại hạn chế như sau:

1. Về chứng từ, sổ kế toán, quy chế chi tiêu nội bộ, công khai tài chính:

Qua kiểm tra chứng từ và sổ sách kế toán, công tác mở sổ sách theo dõi thu, chi từ nguồn ngân sách đúng theo quy định; việc ghi chép chứng từ thu, chi rõ ràng tiện việc kiểm tra, đối chiếu.

Tuy nhiên, Trung tâm đã không hạch toán theo dõi số phải thu cho thuê cơ sở hạ tầng trên Báo cáo tài chính theo đúng quy định (Phụ lục 03).

Ban quản lý ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm và sửa đổi bổ sung kịp thời các quy định đã được thay thế, điều chỉnh;

Ban quản lý đã thực hiện việc công khai tài chính nhưng chưa đầy đủ theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017.

Hàng năm, Ban quản lý có kiểm kê tài sản, nhưng chưa mở sổ theo dõi tài sản theo đúng quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 và Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018.

2. Về quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí tại Ban quản lý:

2.1. Kinh phí ngân sách:

Ban quản lý chi phụ cấp công vụ cho hợp đồng có thời hạn (lái xe) là không đúng quy định tại Nghị định số 34/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2012 của Chính phủ và Thông tư số 74/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính. Cụ thể:

Từ tháng 7/2018 đến tháng 12/2018, Ban quản lý chi trả phụ cấp cho Ông Nguyễn Hữu Sơn, số tiền 5.775.450 đồng.

Công tác lập dự toán, quản lý, thực hiện nguồn kinh phí đặc thù (xúc tiến đầu tư) chưa bám vào nội dung Quyết định số 121/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 và Quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 03/7/2018 của UBND tỉnh Ninh Thuận; chưa xây dựng kế hoạch chi tiết, như: đi học tập, trao đổi kinh nghiệm tại các tỉnh lân

cận hoặc đi công tác ngoài tỉnh để có cơ sở thanh toán. Các trường hợp đi công tác đột xuất ngoài tỉnh theo chỉ đạo của UBND tỉnh chưa có báo cáo bằng văn bản.

2.2. Phí, lệ phí:

Đối với số thu từ phí thẩm định thiết kế cơ sở, thẩm định dự án đầu tư, thiết kế BVTC, thiết kế kỹ thuật năm 2017, 2018...: Chưa thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 4 Nghị định 120/2016/NĐ-CP, số tiền 81.235.900 đồng.

Đối với việc thu phí thẩm định thiết kế xây dựng công trình Nhà máy in offset và bao bì giấy: Thu cao hơn quy định tại Khoản 1, Phụ lục số 1 Thông tư số 210/2016/TT-BTC, số tiền 488.279 đồng (Lệnh chuyển có số 12 ngày 22/5/2018).

2.3. Xây dựng cơ bản:

Ban quản lý chậm nộp hồ sơ quyết toán dự án thời gian là 01 tháng so với quy định tại Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016.

Công ty TNHH Thủy sản Thông thuận đã ứng và thanh toán cho đơn vị thi công là công ty TNHH xây dựng Vũ Ngọc với số tiền 979.981.000 đồng thực hiện công trình Dự án hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật mở rộng Cụm công nghiệp Thành Hải (gói thầu san nền) nhưng đến nay chưa được bố trí vốn.

2.4. Về hoạt động khác:

Trách nhiệm quản lý nhà nước trong hoạt động thoát nước và xử lý nước thải: Ban quản lý chưa thực hiện theo quy định tại Khoản 8, Điều 30, Quyết định số 55/2017/QĐ-UBND ngày 12/7/2017 của UBND tỉnh Ninh Thuận.

Công tác quản lý bùn thải từ hệ thống thoát nước: Ban quản lý chưa thực hiện theo quy định tại Khoản 8, Điều 2, Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ Xây dựng.

3. Đối với Trung tâm Khai thác hạ tầng và Hỗ trợ đầu tư:

Đối với công tác nạo vét, khơi thông hệ thống thoát nước: Trung tâm chưa thực hiện đúng quy định tại Khoản 1, Điều 28, Quyết định số 55/2017/QĐ-UBND ngày 12/7/2017 của UBND tỉnh.

Đối với việc quản lý bùn thải từ hệ thống thoát nước: Trung tâm chưa thực hiện đúng quy định tại Khoản 7, Điều 2, Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015.

II. Kiến nghị biện pháp xử lý:

1. Đối với Ban Quản lý:

1.1 Xử lý về tài chính:

Thu hồi nộp ngân sách nhà nước số tiền 87.101.350 đồng, bao gồm:

- Chi phụ cấp công vụ, số tiền: 5.775.450 đồng;

- Khoản thu từ phí thẩm định, số tiền 81.325.900 đồng theo quy định Khoản 1, Điều 4 Nghị định 120/2016/NĐ-CP.

1.2 Xử lý khác:

- Ban quản lý có trách nhiệm hoàn trả khoản thu phí thẩm định thiết kế xây dựng công trình Nhà máy in offset và bao bì giấy số tiền 488.279 đồng. Từ ngày 01/01/2019 việc chi phụ cấp công vụ cho hợp đồng có thời hạn (lái xe) đề nghị Ban quản lý thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 34/2012/NĐ-CP ngày 15/4/2012 và Thông tư số 74/2012/TT-BTC.

- Đề nghị Ban quản lý tổ chức họp rút kinh nghiệm đối với các cá nhân có liên quan những nội dung nêu trên. Tăng cường kiểm tra, giám sát tất cả hoạt động của Trung tâm khai thác hạ tầng và hỗ trợ đầu tư.

- Ban quản lý tiếp tục đề nghị UBND tỉnh xem xét bố trí vốn để thanh toán theo quy định đối với công trình gói thầu san nền của Công ty Thông Thuận tại Cụm công nghiệp Thành Hải đã nêu tại Công văn số 1194/UBND – XDCB ngày 30/3/2011 của UBND tỉnh Ninh Thuận.

2. Đối với Sở Tài chính:

Ban hành quyết định thu hồi số tiền 87.101.350 đồng nộp vào tài khoản tạm giữ của Sở Tài chính số 3949.0.1064761.00000 tại Kho bạc nhà nước tỉnh Ninh Thuận.

* Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ký Kết luận thanh tra, đề nghị Ban quản lý thực hiện việc công khai Kết luận thanh tra này dưới hình thức niêm yết tại trụ sở của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị xử lý qua thanh tra về Sở Tài chính (thông qua Thanh tra Sở) sau 30 ngày kể từ ngày Kết luận thanh tra có hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận: *L*

- UBND tỉnh;
- Thanh tra Bộ Tài chính; | b/c
- Thanh tra tỉnh Ninh Thuận; |
- Ban quản lý các KCN tỉnh; |
- Phòng QLNS – Sở Tài chính; |
- Lãnh đạo Sở; |
- Lưu HSTT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Trường

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TẠI BQL CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH

ĐVT: Đồng

S TT	Nội dung	Năm 2017	Năm 2018
A	NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC		
1	Năm trước chuyển sang	71.762.100	37.982.233
	- Cải cách tiền lương (Thường xuyên)	26.762.100	7.663.197
	- Cải cách tiền lương (Không Thường xuyên)	45.000.000	30.319.036
2	Cấp trong năm	2.385.219.500	2.510.298.705
	Thường xuyên	1.950.330.000	2.028.373.705
	- Chi hoạt động	1.921.530.000	2.001.173.705
	- Cải cách tiền lương	28.800.000	27.200.000
	Không thường xuyên	434.889.500	481.925.000
	- ISO	21.000.000	18.000.000
	- Đào tạo	30.799.500	32.015.000
	- Mua trang thiết bị cho trường ban	0	53.500.000
	- Đảng	15.090.000	15.090.000
	- An toàn lao động	18.000.000	0
	- Cải cách tiền lương	20.000.000	20.000.000
	- Tổ chức hội nghị sơ kết	0	13.320.000
	- Đặc thù	330.000.000	330.000.000
	+ Thuê nhà	150.000.000	150.000.000
	+ Xúc tiến đầu tư	180.000.000	180.000.000
3	Chi trong năm	2.418.499.367	2.471.690.721
	Thường xuyên	1.969.428.903	2.031.491.379
	- Chi hoạt động	1.921.530.000	2.001.173.705
	- Cải cách tiền lương	47.898.903	30.317.674
	Không thường xuyên	449.070.464	440.199.642
	- ISO	20.980.000	0
	- Đào tạo	30.319.500	32.015.000
	- Mua trang thiết bị cho trường ban	0	51.500.000
	- Đảng	15.090.000	15.090.000
	- An toàn lao động	18.000.000	0
	- Cải cách tiền lương	34.680.964	29.722.842
	- Tổ chức hội nghị sơ kết	0	13.320.000
	- Đặc thù	330.000.000	298.551.800
	+ Thuê nhà	150.000.000	150.000.000
	+ Xúc tiến đầu tư	180.000.000	148.551.800
4	Tồn cuối năm	38.482.233	76.590.217

	Thường xuyên	7.663.197	4.545.823
	- Chi hoạt động	0	0
	- Cải cách tiền lương	7.663.197	4.545.823
	Không thường xuyên	30.819.036	72.044.394
	- ISO	20.000	18.000.000
	- Đào tạo	480.000	0
	- Mua trang thiết bị cho trường ban	0	2.000.000
	- Đảng	0	0
	- An toàn lao động	0	0
	- Cải cách tiền lương	30.319.036	20.596.194
	- Tổ chức hội nghị sơ kết	0	0
	- Đặc thù	0	31.448.200
	+ Thuê nhà	0	0
	+ Xúc tiến đầu tư	0	31.448.200
B	NGUỒN THU PHÍ, LỆ PHÍ + KHÁC		
1	Nguồn thu phí, lệ phí		
	Năm trước chuyển sang	18.502.498	11.948.098
	<i>Trong đó: 40% thực hiện cải cách tiền lương</i>	<i>7.400.999</i>	<i>9.498.399</i>
	Thu trong năm	5.693.500	107.160.800
	- Phí thẩm định dự án đầu tư, TK xây dựng	5.243.500	106.260.800
	<i>Trong đó: 40% thực hiện cải cách tiền lương</i>	<i>2.097.400</i>	<i>42.504.320</i>
	- Lệ phí cấp phép xây dựng	450.000	900.000
	Chi trong năm	12.247.900	19.370.500
	- Chi phục vụ hoạt động thu phí	11.797.900	18.470.500
	- Nộp ngân sách nhà nước	450.000	900.000
	Tồn cuối năm	11.948.098	99.738.398
	<i>Trong đó: 40% thực hiện cải cách tiền lương</i>	<i>9.498.399</i>	<i>52.002.719</i>
2	Nguồn thu khác		
	Năm trước chuyển sang		4.509.000
	- Doanh nghiệp hỗ trợ		4.509.000
	Thu trong năm	88.201.000	6.384.000
	- Doanh nghiệp hỗ trợ	81.000.000	
	- Đảng phí	7.201.000	6.384.000
	Chi trong năm	83.692.000	10.893.000
	- Doanh nghiệp hỗ trợ	76.491.000	4.509.000
	- Đảng phí	7.201.000	6.384.000
	Tồn cuối năm	4.509.000	0
	- Doanh nghiệp hỗ trợ	4.509.000	0
C	NGUỒN XDCB		
1	Cấp trong năm	2.247.000.000	11.022.693.560
	- Hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật mở rộng KCN Thành Hải	2.000.000.000	982.000.000
	- Hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật mở rộng CCN Tháp Chàm	147.000.000	

	- Bồi thường cho hộ bà Cao Thị Kính		1.729.082.500
	- Kinh phí quy hoạch		500.000.000
	- Bồi thường cho CCN Tháp Chàm cho hộ bà Trần Thị Bảy		7.811.611.060
	- Dự án mới:	100.000.000	0
	+ Trụ sở làm việc BQL các khu công nghiệp tỉnh Ninh Thuận	25.000.000	0
	+ Hạ tầng kỹ thuật CCN Quảng Sơn	25.000.000	0
	+ Đầu tư sửa chữa hệ thống đường nội bộ KCN Thành Hải	25.000.000	0
	+ Đầu tư sửa chữa hệ thống đường nội bộ CCN Tháp Chàm	25.000.000	0
3	Chi trong năm	25.000.000	
	- Hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật mở rộng KCN Thành Hải	2.000.000.000	982.000.000
	- Hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật mở rộng CCN Tháp Chàm	71.743.362	
	- Bồi thường cho hộ bà Cao Thị Kính		1.729.082.500
	- Kinh phí quy hoạch		500.000.000
	- Bồi thường cho CCN Tháp Chàm cho hộ bà Trần Thị Bảy		7.811.611.060
	- Dự án mới:	25.000.000	0
	+ Trụ sở làm việc BQL các khu công nghiệp tỉnh Ninh Thuận	25.000.000	0
	+ Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Quảng Sơn	0	0
	+ Đầu tư sửa chữa hệ thống đường nội bộ KCN Thành Hải	0	0
	+ Đầu tư sửa chữa hệ thống đường nội bộ CCN Tháp Chàm	0	0
4	Tồn cuối năm	150.256.638	0
	- Hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật mở rộng CCN Tháp Chàm	75.256.638	0
	- Dự án mới:	75.000.000	0
	+ Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Quảng Sơn	25.000.000	0
	+ Đầu tư sửa chữa hệ thống đường nội bộ KCN Thành Hải	25.000.000	0
	+ Đầu tư sửa chữa hệ thống đường nội bộ CCN Tháp Chàm	25.000.000	0





Phụ lục 02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TẠI TRUNG TÂM KHAI THÁC HẠ TẦNG VÀ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Năm 2017	Năm 2018
1	Năm trước chuyển sang	73.902.223	1.014.780.578
	Cho thuê hạ tầng	52.409.000	981.263.485
	Hoạt động dịch vụ	21.493.223	33.517.093
1	Tổng thu	2.205.549.125	1.228.649.135
	Cho thuê hạ tầng	2.161.508.255	1.228.605.162
	- Thu nợ năm trước	1.124.844.750	117.744.000
	- Thu phí sử dụng cơ sở hạ tầng	1.036.663.505	1.110.861.162
	Hoạt động dịch vụ	44.040.870	43.973
2	Chi trong năm	1.264.670.770	2.210.139.723
	Cho thuê hạ tầng:	1.232.653.770	2.197.901.497
	- Hoạt động thường xuyên	547.558.573	763.211.544
	- Bảo dưỡng hệ thống đèn cao áp	10.470.000	
	- Duy tu bảo dưỡng máy móc, thiết bị		5.161.000
	- Quyet dọn, thu gom rác	7.290.000	7.297.000
	- Chăm sóc cây xanh	199.938.000	50.000.000
	- Giám sát môi trường	135.162.500	139.222.600
	- Nạo vét hệ thống thoát nước	73.969.000	73.969.000
	- Đầu tư hệ thống phun sương		40.000.000
	- Đầu tư mới	205.856.697	
	- Nộp thuế		137.776.868
	- Nộp NSNN	52.409.000	981.263.485
	Hoạt động dịch vụ	32.017.000	12.238.226
3	Tồn cuối năm	1.014.780.578	33.289.990
	Cho thuê hạ tầng:	981.263.485	11.967.150
	Hoạt động dịch vụ	33.517.093	21.322.840


TÌNH HÌNH THU NỢ CHO THUÊ CƠ SỞ HẠ TẦNG CÒN TỒN ĐÓNG

ĐVT: Đồng

Nội dung	Nợ năm 2016 chuyển sang	Phải thu năm 2017	Đã thu	Chưa thu cuối 2017	Đã nộp 2018	Nợ cuối năm 2018
Khu Công nghiệp Thành Hải	714.222.500	1.069.355.300	951.611.300	117.744.000	117.744.000	0
- Công ty CPĐT&XD Hoàng Nhân		117.744.000		117.744.000	117.744.000	0
- CTCP Địa chất và Khoáng sản Việt Nam	639.137.500	758.481.500	758.481.500	0		0
- Công ty TNHH Thông Thuận	75.085.000	193.129.800	193.129.800	0		0
Cụm Công nghiệp Tháp Chàm	11.091.850	40.511.025	6.350.000	34.161.025	0	34.161.025
- Công ty TNHH Thương mại Hải Đông	11.091.850	17.419.775	6.350.000	11.069.775		11.069.775
- CTCP In và bao bì Tân Định		23.091.250		23.091.250		23.091.250
Tổng cộng	725.314.350	1.109.866.325	957.961.300	151.905.025	117.744.000	34.161.025